TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2024/QĐDS - ST	TP. Thanh Hóa*, ngày 15 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Hủy bỏ quyết định tuyên bố một người mất tích

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA- TỈNH THANH HÓA

Thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Hồ Thị Minh Hạnh - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên họp: Bà Trịnh Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 06/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2024 về việc "Hủy bỏ quyết định tuyên bố một người mất tích" theo Quyết định mở phiên họp số 08/2024/QĐST-VDS ngày 06 tháng 3 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự* :

Bà Trần Thị T - Sinh năm 1954

Địa chỉ: Số nhà A Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trương Tiến D - Sinh năm 1976.
2. Chị Trương Thị H- Sinh năm 1979.
3. Chị Trương Thị H1- Sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Số nhà A Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Đều vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Bà Trần Thị T kết hôn cùng ông Trương Thành Đ năm 1974. Quá trình chung sống hạnh phúc, sinh được ba người con gồm: Trương Tiến D- sinh năm 1976, Trương Thị H- sinh năm 1979, Trương Thị H1- sinh năm 1981. Khoảng tháng 10/2000 do làm ăn thua lỗ, bà T bỏ nhà đi không để lại địa chỉ, nhiều năm không liên lạc gì với gia đình. Năm 2009, ông Trương Thành Đ làm đơn đề nghị Tòa án tuyên bố mất tích đối với bà. Ngày 08/01/2010, T1 án nhân dân thành phố T, tỉnh Thanh Hóa đã tuyên bố bà Trần Thị T mất tích theo Quyết định số 01/2010/QĐST-DS. Tháng 3/2010, bà T quay trở về địa phương sinh sống tại số nhà A Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cùng ông Trương Thành Đ và các con. Ngày 12/4/2011 ông Đ chết. Do không hiểu biết pháp luật nên đến nay, bà T mới có đơn

yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định tuyên bố mất tích số 01/2010/QĐST-DS ngày 08/01/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đối với bà.

Tại phiên họp, bà Trần Thị Thu g nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án hủy bỏ Quyết định tuyên bố mất tích số 01/2010/QĐST-DS ngày 08/01/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đối với bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý đến trước thời điểm giải quyết việc dân sự: Đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 48, 49, 51 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý đến trước thời điểm giải quyết việc dân sự: Đã thực hiện đúng quy định tại điều 367 và các quy định khác của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết việc dân sự: Đề nghị Tòa án áp dụng: Điều 70 Bộ luật dân sự. Các Điều 366, 367,369, 370, 390, 371, 372 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm đ Điều 12, Điều 14, Điều 16 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T về việc hủy bỏ Quyết định tuyên bố mất tích đối với bà. Bà Trần Thị T được miễn lệ phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Đây là yêu cầu hủy bỏ quyết định tuyên bố một người mất tích, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Khoản 3 Điều 27, điểm a Khoản 2 Điều 35, điểm c Khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Anh Trương Tiến D, chị Trương Thị H, chị Trương Thị H1): Có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp. Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự mở phiên họp vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về yêu cầu của bà Trần Thị T: Bà T kết hôn cùng ông Trương Thành Đ năm 1974. Quá trình chung sống sinh được ba người con gồm: Trương Tiến D- sinh năm 1976, Trương Thị H- sinh năm 1979, Trương Thị H1- sinh năm 1981. Khoảng tháng 10/2000 do làm ăn thua lỗ, bà T bỏ nhà đi không để lại địa chỉ, nhiều năm không liên lạc gì với gia đình. Năm 2009, ông Trương Thành Đ làm đơn đề nghị Tòa án tuyên bố mất tích đối với bà. Ngày 08/01/2010, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã tuyên bố bà Trần Thị T mất tích theo Quyết định số 01/2010/QĐST-DS. Tháng 3/2010, bà T quay trở về địa phương sinh sống tại số nhà A Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cùng ông Trương Thành Đ và các con. Ngày 12/4/2011 ông Đ chết. Do không hiểu biết pháp luật nên đến nay, bà T mới có đơn

yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định tuyên bố mất tích số 01/2010/QĐST-DS ngày 08/01/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đối với bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các anh chị Trương Tiến D, Trương Thị H, Trương Thị H1: Thống nhất với lời trình bày của mẹ là bà Trần Thị T, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà T hủy bỏ Quyết định tuyên bố mất tích số 01/2010/QĐST-DS ngày 08/01/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đối với bà. Biên bản xác minh tại nơi cư trú của bà T thể hiện: bà Trần Thị T quay về địa phương và sinh sống tại số nhà H Đ, phường L, thành phố T từ năm 2010 đến nay.

Vì vậy, xét thấy đơn yêu cầu của bà Trần Thị T về yêu cầu hủy bỏ Quyết định tuyên bố mất tích đối với bà là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ Điều 70 Bộ luật dân sự, Điều 390 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận đơn yêu cầu của bà T.

[3]. Về lệ phí: Bà Trần Thị T là người cao tuổi, căn cứ điểm đ Điều 12, Điều 14, Điều 16 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trần Thị T được miễn lệ phí dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 27, điểm a Khoản 2 Điều 35, điểm c Khoản 2 Điều 39, các Điều 366, 367,369, 370, 390, 371, 372 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 70 Bộ luật dân sự. Điểm đ Điều 12, Điều 14, Điều 16 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Chấp nhận đơn yêu cầu của bà Trần Thị Thu v việc hủy bỏ Quyết định tuyên bố một người mất tích số 01/2010/QĐST-DS ngày 08/01/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đối với bà.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Trần Thị T là người cao tuổi nên được miễn lệ phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được (hoặc ngày niêm yết) quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Người yêu cầu;
- Người có QLNVLQ;
- UBND phường L;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Hồ Thị Minh Hạnh